

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Lê

2. Bà Võ Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Châm - Thư ký Toà án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 480/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 568/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: 8 L, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông Phạm Hoàng S, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: 7 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà H và ông S chung sống với nhau từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 136/2022 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2022).

Bà H và ông S sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không đồng quan điểm, không chia sẻ với nhau, không tôn trọng nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải

được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông S để ổn định cuộc sống. Bà H và ông S đã ly thân từ tháng 11/2024 đến nay.

- Về con chung: Bà H và ông S không có con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà H và ông S không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Hoàng S trình bày: Ông S không đồng ý ly hôn vì không làm gì sai và rất yêu thương vợ và con riêng của vợ.

- Về con chung: Ông S và bà H không có con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông S và bà H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đề nghị giải quyết vắng mặt ông tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng, đầy đủ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông S; Về con chung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà H và ông S không có con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy việc bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình. Do ông Phạm Hoàng S đang cư trú tại Quận D nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông S không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án hợp lệ nhưng vắng mặt do có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S.

[2] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Phạm Hoàng S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 136/2022 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2022). Do đó, hôn nhân của bà H và ông S là hợp pháp.

Bà H và ông S chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà H ly hôn với ông S.

Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của các đương sự, xác định không có con chung nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết; ông S cũng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà H phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57; Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Phạm Hoàng S (Giấy chứng nhận kết hôn số 136/2022 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2022).

- Về con chung: Xác định bà H và ông S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008534 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ./.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình